

## II - HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

### §3. GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

#### A. Mục đích, yêu cầu

- Biết những khả năng chung nhất của Access như một hệ QTCSDL (khai báo, lưu trữ, xử lý dữ liệu);
- Biết bốn loại đối tượng cơ bản trong Access: bảng (Table), mẫu hỏi (Query), biểu mẫu (Form), báo cáo (Report);
- Liên hệ được một bài toán quản lí gắn gũi với HS cùng các công cụ quản lí tương ứng trong Access;
- Biết một số thao tác cơ bản: Khởi động và kết thúc Access, tạo một cơ sở dữ liệu mới hoặc mở một CSDL đã có, tạo đối tượng mới và mở một đối tượng;
- Biết có hai chế độ làm việc với các đối tượng: Chế độ thiết kế (Design View) và chế độ trang dữ liệu (Datasheet View);
- Biết các cách tạo các đối tượng: dùng thuật sĩ (Wizard) và tự thiết kế (Design).

#### B. Những điểm cần lưu ý và gợi ý tổ chức dạy học

1. Để có thể gây hứng thú cho HS khi làm quen với Access, GV nên chuẩn bị một máy tính trên lớp có sẵn một CSDL được quản lí bởi Access. Có thể lấy ví dụ CSDL quản lí HS để trình diễn các chức năng nhập, sửa, tìm kiếm và lọc dữ liệu. Nếu chưa có điều kiện sử dụng máy chiếu thì có thể phóng to các hình vẽ tương ứng trong SGK để sử dụng trong quá trình dạy học.

Trong § này, có nhiều khái niệm HS cần nhận biết: Cách Access tổ chức thông tin trong các bảng ; các đối tượng cơ bản của Access, các chế độ làm việc với các đối tượng, các cách tạo đối tượng... GV nên giải thích để HS thấy rõ tương ứng giữa các nhiệm vụ của một bài toán quản lí (ở đây là quản lí HS) với các đối tượng trong Access (phần ví dụ trong tiểu mục 3).

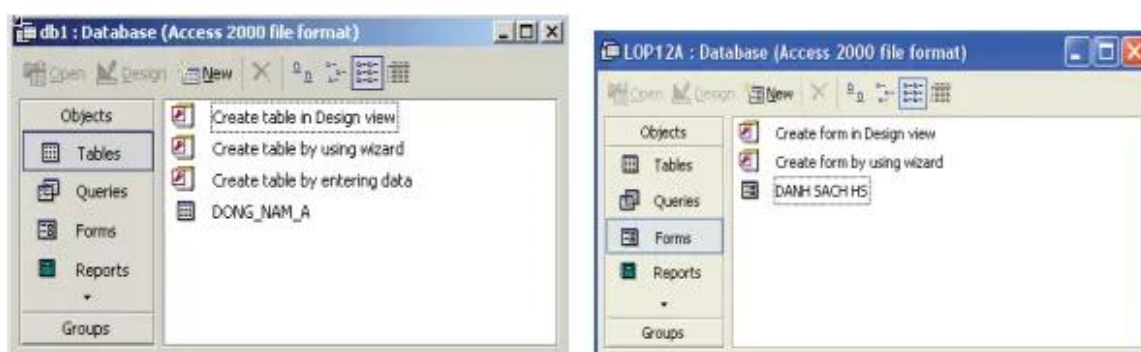
GV có thể sử dụng phương pháp nhận biết khái niệm bằng hình ảnh minh họa (thực hiện một chương trình trên máy tính và sử dụng máy chiếu hoặc sử dụng hình phóng to). GV thực hiện trên máy tính một vài thao tác kết hợp với hướng dẫn HS tìm hiểu trên hình minh họa và SGK để HS nhận biết các khái niệm và đối tượng của Access trực quan hơn.

**Chú ý.** Để có được hình minh họa, có thể chụp hình này từ màn hình vào bộ nhớ (bằng cách nhấn phím **PrtScr – Print Screen**) sau đó sao chép hình này từ bộ nhớ vào **Paint** (mở **Paint** và nhấn tổ hợp phím **Ctrl+V**), chỉnh sửa và chọn lọc cho phù hợp rồi cắt hình (hoặc một phần hình) lưu vào bộ nhớ (bằng công cụ **Cut** trong **Paint**) và dán hình từ bộ nhớ vào trang soạn thảo Word. Cuối cùng phóng to, vẽ thêm chi tiết và chỉnh sửa cho đẹp mắt ta được hình minh họa để dạy học.

Cũng có thể dùng chương trình **SnagIt** (tải về bản dùng thử từ địa chỉ <http://www.soft32.com/download-348.html>) để có được hình ảnh với chất lượng khá tốt.

## 2. GV cần phân biệt cho HS loại đối tượng với đối tượng trong Access:

- Các loại đối tượng (mà HS được học trong chương trình) gồm có: bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi, báo cáo.



Hình 2. Đối tượng bảng và biểu mẫu trong Access

- Mỗi loại đối tượng bao gồm các đối tượng, mỗi một đối tượng có tên gọi riêng, chẳng hạn bảng KHACH\_HANG, bảng HOC\_SINH; biểu mẫu DS\_HS, NHAP\_DIEM, NHAP\_HS; mẫu hỏi THONG\_KE, HS\_NAM,... HS khi mới bắt đầu làm việc trong Access thường hay nhầm lẫn điều này và dẫn tới các thao tác sai, GV khó quản lí trong giờ thực hành. Do vậy, GV nên lưu ý trước cho HS rằng trong Access để làm việc với đối tượng nào cần mở trang của loại đối tượng tương ứng, ví dụ trang bảng, trang biểu mẫu,

trang mẫu hỏi hay trang báo cáo. Mỗi cửa sổ của loại đối tượng lại có bảng chọn và thanh công cụ với các nút lệnh đặc trưng riêng cho từng loại đối tượng đó (trên hình 2 là hai cửa sổ tương ứng của loại đối tượng bảng và biểu mẫu).

- Trong quá trình hướng dẫn, GV có thể nêu một số câu hỏi gợi ý dạng "**Chọn và ghép**" để HS phân biệt được các đối tượng bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi và báo cáo.

*Ví dụ. Hãy chọn các chức năng chính tương ứng với từng đối tượng trong danh sách các chức năng và đối tượng nêu dưới đây:*

<b>Đối tượng</b>	<b>Chức năng</b>
a) Bảng	1. Giúp nhập thông tin thuận tiện.
b) Mẫu hỏi	2. Lưu dữ liệu.
c) Biểu mẫu	3. Kết xuất thông tin từ bảng và mẫu hỏi.
d) Báo cáo	4. Là đối tượng cơ sở chứa thông tin về một chủ thể xác định. 5. Tạo bảng mới từ các bảng đã có. 6. Giúp hiển thị thông tin thuận tiện. 7. Định dạng, tính toán, tổng hợp các dữ liệu được chọn và in ra.

Cũng có thể ghép thành những câu hỏi dạng "**Khẳng định Đúng hay Sai**" như:

*Hãy chỉ ra trong các cách ghép đối tượng và chức năng sau, cách nào sai:*

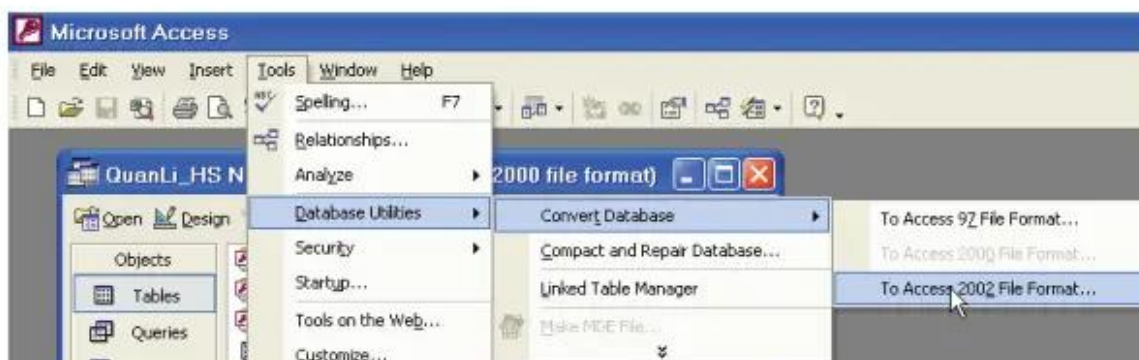
$a + 2$        $b + 3$        $d + 1$        $c + 6$

- GV đánh giá và củng cố kiến thức bằng các câu hỏi trắc nghiệm hoặc các câu hỏi trong SBT vào cuối tiết học để phát huy được khả năng hoạt động nhận thức khái niệm mới của HS (xoay quanh nội dung của các câu hỏi và bài tập trong SGK đã nêu ở cuối §).
- GV có thể cung cấp thêm cho HS những thông tin sau:
  - Để sử dụng Access 2002 cần có một máy tính với cấu hình tối thiểu:
    - Bộ xử lý Pentium III trở lên;

- Bộ nhớ RAM ít nhất 64 MB;
- Hệ điều hành Windows 95 hoặc mới hơn;
- Đĩa cứng còn trống ít nhất 140 MB.

b) Trong Access, một CSDL bao gồm các đối tượng liên quan đến việc lưu trữ dữ liệu và các đối tượng được định nghĩa để tự động hoá việc sử dụng dữ liệu. Tất cả các đối tượng của Access (ngoại trừ Pages) đều được lưu trữ trong một tệp cơ sở dữ liệu duy nhất có phần mở rộng của tên tệp là MDB.

c) Định dạng tệp ngầm định là Access 2000, như được chỉ ra trên thanh tiêu đề của cửa sổ CSDL. Sở dĩ phiên bản Access 2002 không đặt định dạng ngầm định cho các tệp mới tạo ra là Access 2002 vì các tệp Access 2000 có thể được mở trong cả Access 2000 và Access 2002, nhưng các tệp có định dạng Access 2002 chỉ có thể được mở trong Access 2002 mà thôi. Các tệp định dạng Access 2000 có thể chuyển sang định dạng Access 2002 bằng lệnh **Convert Database** trong bảng chọn **Tools** (h. 3).

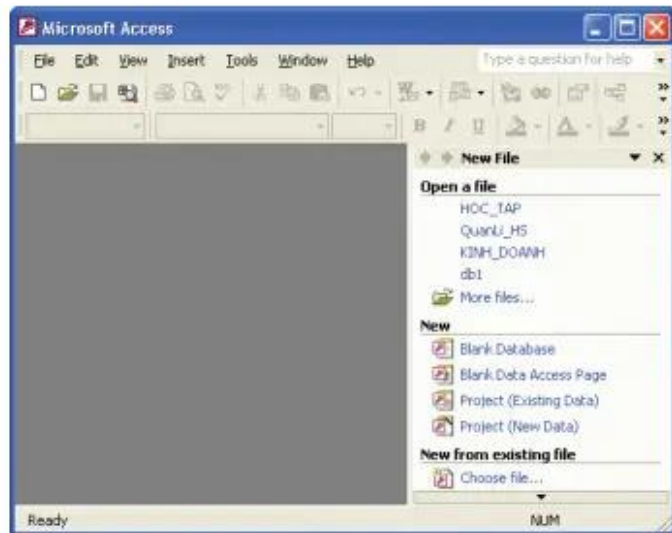


Hình 3. Lệnh Convert Database trong bảng chọn Tools

- d) Dữ liệu còn có thể nhập và sửa đổi từ biểu mẫu và mẫu hỏi nhưng đều được lưu vào bảng. Tuy có nhiều cách thức khác nhau để nhập dữ liệu nhưng dữ liệu thực sự chỉ tồn tại trong các bảng.
- e) Thông tin có thể kết xuất trực tiếp từ bảng hoặc từ biểu mẫu, mẫu hỏi hoặc báo cáo.
- f) Có thể dùng thêm hình sau đây để giới thiệu cho HS một cách khởi động Access:



Hình 4. Khởi động Access từ bảng chọn Start



Hình 5. Cửa sổ Access sau khi khởi động